

**BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG**  
**Tháng 6**

**1. Tên nhiệm vụ:** Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Ngàn Trươi – Cẩm Trang, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

**2. Ngày quan trắc:** 20 – 21/6/2024

**Ngày cung cấp TT:** 22/6/2024

**3. Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:**

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	10	Đầu vào nhà máy nước Vũ Quang	Cống đóng.
2	11	Đầu kênh chính	Cống mở.

**4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 15 vị trí chính thức

**5. Đơn vị thực hiện:** Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

**Người cung cấp thông tin:** Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

**6. Đơn vị nhận thông tin:** Cục Thủy lợi, Ban Quản lý Thủy lợi 3-4.

## KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

### Bảng tóm tắt:

**Căn cứ theo các quy chuẩn:** QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

**A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp):** Thượng lưu hồ tầng mặt, Giữa hồ tầng mặt, Trước cửa xã TN1 tầng mặt, Khu nuôi cá lồng tự phát (Cách bến thuyền 700m), Khu nuôi cá lồng I tầng mặt, Khu nuôi cá lồng II (khu mở rộng) tầng mặt, Khe Trươi phía thượng lưu nhà máy sắt, Khe Trươi phía hạ lưu nhà máy gỗ MDF.

**B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp):** Các vị trí đạt giới hạn trên.

**C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu:** Các vị trí đạt giới hạn trên.

**D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp:** Các vị trí đạt giới hạn trên, Đầu vào nhà máy nước Vũ Quang, Đầu kênh chính, Kênh chính hạ lưu công điều tiết (gần trường TH Đức Bông), Cầu Ngàn Trươi.

**Bảng chi tiết:**

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
1	Thượng lưu hồ tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước tầng mặt khu vực thượng lưu hồ Ngàn Trươi.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 35°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 82%, gió TN 6 km/h.  Không có dòng chảy. Nước trong xanh.	7.32	1	7.57	0.1	0.078	0.428	16	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn mức A.
2	Thượng lưu hồ tầng đáy	Đánh giá chất lượng nước tầng đáy khu vực thượng lưu hồ Ngàn Trươi.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 35°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 82%, gió TN 6 km/h.  Không có dòng chảy. Nước màu xanh.	5.7	6.5	0	0.1	0.233	0.304	19	Giá trị pH, DO thấp do ở tầng sâu – đặc tính của hồ chứa.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
3	Giữa hồ tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước tầng mặt khu vực giữa hồ Ngàn Trươi.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 36°C, độ ẩm 55%, mật độ mây 80%, gió TN 8 km/h.  Không có dòng chảy, nước trong xanh.	6.3	4.9	7.4	0.1	0.117	0.720	16	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn mức A.
4	Trước cửa xả TN1 tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước tầng đáy khu vực giữa hồ Ngàn Trươi.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 36°C, độ ẩm 55%, mật độ mây 80%, gió TN 8 km/h.  Không có dòng chảy, cống đóng. Nước trong xanh.	7.02	2.1	7.6	0.1	0.186	0.320	22	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn mức A.
5	Trước cửa xả TN1 tầng	Đánh giá chất lượng nước tầng mặt hồ	Trời nhiều mây, nhiệt độ 36°C, độ ẩm 55%, mật độ	5.36	11.7	0	0.1	0.350	0.270	28	Giá trị pH, DO thấp do ở tầng sâu –

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Nhận xét, khuyến cáo	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	giữa	Ngàn Trươi khu vực gần cửa xả TN1.	mây 80%, gió TN 8 km/h.  Không có dòng chảy, nước trong xanh.								đặc tính của hồ chứa.
6	Trước cửa xả TN1 tầng đáy	Đánh giá chất lượng nước tầng giữa hồ Ngàn Trươi khu vực gần cửa xả TN1.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 36°C, độ ẩm 55%, mật độ mây 80%, gió TN 8 km/h.  Không có dòng chảy, nước màu vàng nhạt.	5.89	7.6	0	0.1	0.311	0.227	54	Giá trị pH, DO thấp do ở tầng sâu – đặc tính của hồ chứa.
7	Khu nuôi cá lồng tự phát (Cách bến thuyền)	Đánh giá chất lượng nước tầng đáy hồ Ngàn Trươi khu vực gần	Trời nhiều mây, nhiệt độ 35°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 80%, gió TN 6 km/h.	6.34	8.9	7.2	0.1	0.132	0.360	15	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn mức A.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	700m)	cửa xả TN1.	Không có dòng chảy. Nước màu xanh, có mùi tanh.								
8	Khu nuôi cá lồng I tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước khu nuôi thử cá lồng.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 35°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 82%, gió TN 6 km/h.  Không có dòng chảy, nước màu xanh, có mùi tanh.	7.14	11.6	7.45	0.1	0.194	0.412	14	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn mức A.
9	Khu nuôi cá lồng II (khu mở rộng) tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước khu nuôi thử cá lồng.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 35°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 82%, gió TN 6 km/h.  Không có dòng chảy. Nước có mùi tanh, màu xanh.	7.05	3.6	7.5	0.1	0.155	0.304	15	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn mức A.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
QCVN 08:2023 - A			6.5 – 8.5		≥ 6						
QCVN 08:2023 - B			6 – 8.5		≥ 5						
QCVN 08:2023 - C			6 – 8.5		≥ 4						
QCVN 08:2023 - D			< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
10	Đầu vào nhà máy nước Vũ Quang	Đánh giá chất lượng nước cấp cho nhà máy nước Vũ Quang.	Trời nắng, nhiệt độ 37°C, độ ẩm 50%, mật độ mây 60%, gió TN 6 km/h.  Không có dòng chảy, cống đóng. Nước màu vàng lục. Nhiều váng mùn gỗ dồn ứ tại thượng lưu cống.	5.75	10.4	5.2	0.1	0.303	0.295	24	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH không đạt giới hạn mức B.
11	Đầu kênh chính	Đánh giá chất lượng nước đầu hệ thống trước khi cấp cho các mục đích dân sinh.	Trời nắng, nhiệt độ 37°C, độ ẩm 50%, mật độ mây 60%, gió TN 6 km/h.  Dòng chảy chậm. cống mở. Nước màu vàng lục.	5.83	10.1	4.9	0.1	0.295	0.360	23	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH và DO không đạt giới hạn mức B.
12	Kênh chính hạ	Đánh giá chất lượng nước	Trời nắng, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 69%,	5.93	11.9	5.4	0.1	0.272	0.383	35	Giá trị chỉ tiêu hiện

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Nhận xét, khuyến cáo	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	lưu công điều tiết (gần trường TH Đức Bông)	trên kênh chính hạ lưu công đầu mối.	mật độ mây 70%, gió TN 3 km/h.  Dòng chảy trung bình. nước màu vàng lục.								trường pH không đạt giới hạn mức B.
13	Cầu Ngàn Trươi	Đánh giá chất lượng nước tại cầu Ngàn Trươi.	Trời nắng, nhiệt độ 37°C, độ ẩm 47%, mật độ mây 60%, gió TN 8 km/h.  Không có dòng chảy, công đóng. Thủy điện không hoạt động. Nước màu lục.	5.6	14.2	4.6	0.1	0.311	0.169	22	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH và DO không đạt giới hạn mức B.
14	Khe Trươi phía thượng lưu nhà	Đánh giá chất lượng nước Khe Trươi trước khi nhận nước thải hai	Trời nắng, nhiệt độ 37°C, độ ẩm 50%, mật độ mây 70%, gió TN 6 km/h.	7.02	8.4	7.6	0.1	0.093	0.338	44	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn mức A.



Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Nhận xét, khuyến cáo	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	máy sắt	nhà máy sắt và nhà máy gỗ.	Dòng chảy rất chậm, nước trong xanh.								
15	Khe Trươi phía hạ lưu nhà máy gỗ MDF	Đánh giá chất lượng nước Khe Trươi ngay sau khi nhận nước thải nhà máy gỗ.	Trời nắng, nhiệt độ 37°C, độ ẩm 50%, mật độ mây 70%, gió TN 6 km/h.  Dòng chảy rất chậm, mực nước thấp. Nước màu xanh lục. Nước thải nhà máy gỗ chảy ra với lưu lượng khoảng 0,5 l/s.	6.32	10.9	7.1	0.1	0.272	0.191	49	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn mức A.

Ghi chú:

**QCVN 08:2023 Mức A:** Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

**QCVN 08:2023 Mức B:** Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

**QCVN 08:2023 Mức C:** Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

**QCVN 08:2023 Mức D:** Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

**Nơi nhận:**

- Cục Thủy lợi;
- Ban Quản lý Thủy lợi 3;
- Ban Quản lý Thủy lợi 4;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2024

**VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI**



VIỆN TRƯỞNG

*Đỗ Văn Thành*